

Số: 1137/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 27 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý II/2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 189 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 137 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K52 2010 - 2014	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	Cộng
1	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	-	04	-	04
2	Công nghệ chế tạo máy	-	-	-	02	-	02
3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	-	-	14	-	14
4	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	-	-	-	05	-	05
5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	01	03	-	04
6	Công nghệ kỹ thuật hóa học	-	-	-	03	-	03
7	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	01	01	07	-	09
8	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	02	-	07	-	09
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	-	-	01	03	-	04
10	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	02	03	02	12	-	19
11	Công nghệ sau thu hoạch	-	-	-	01	-	01
12	Công nghệ sinh học	01	-	-	08	-	09
13	Công nghệ thông tin	-	-	02	12	-	14
14	Công nghệ thực phẩm	-	-	01	15	-	16
15	Hệ thống thông tin quản lý	-	-	-	04	-	04
16	Kế toán	-	-	01	05	-	06

TT	Ngành tốt nghiệp	K52 2010 - 2014	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	K56 2014 - 2018	Cộng
17	Kinh doanh thương mại	-	-	01	05	-	06
18	Kinh tế nông nghiệp	-	-	-	03	-	03
19	Kỹ thuật tàu thủy	-	-	02	02	-	04
20	Ngôn ngữ Anh	-	-	01	01	-	02
21	Nuôi trồng thủy sản	-	01	-	07	-	08
22	Quản lý nguồn lợi thủy sản	-	-	-	04	-	04
23	Quản lý thủy sản	-	-	-	06	-	06
24	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	01	11	-	12
25	Quản trị kinh doanh	01	-	03	07	-	11
26	Tài chính – Ngân hàng	-	-	02	08	-	10

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2014	K54 2012 - 2015	K55 2013 - 2016	K56 2014 - 2017	Cộng
1	Công nghệ chế biến thủy sản	-	01	02	08	11
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	01	-	09	10
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	01	-	04	07	12
4	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	-	02	07	09
5	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	02	01	02	05
6	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	-	04	05	09
7	Công nghệ sinh học	-	-	01	02	03
8	Công nghệ thông tin	-	02	01	04	07
9	Công nghệ thực phẩm	-	02	06	14	22
10	Kế toán	-	02	10	05	17
11	Kinh doanh thương mại	-	-	-	02	02
12	Nuôi trồng thủy sản	-	-	02	05	07
13	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	02	08	10
14	Quản trị kinh doanh	-	03	01	09	13

Điều 2. Trưởng phòng, khoa, viện liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



Trang Pi Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ II NĂM 2018

Theo Quyết định số 437/QĐ-ĐHNT ngày 24/4/2018

Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130526	Tăng Thị Thu Hiền	19/04/1995	Quảng Nam	Nữ	Khá	55.CBTS	2013-2017
2	55133974	Tạ Thị Xuân Lan	13/03/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.CBTS	2013-2017
3	55131881	Nguyễn Thị Thu Thủy	02/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CBTS	2013-2017
4	55132756	Nguyễn Thị Ý	05/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CBTS	2013-2017

Danh sách có 04 sinh viên

2. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55135042	Nguyễn Gia Cát	17/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CTM	2013-2017
2	55134472	Nguyễn Hữu Lượng	15/01/1994	Thanh Hoá	Nam	Trung bình	55.CTM	2013-2017

Danh sách có 02 sinh viên

3. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130110	Phan Công Chánh	17/11/1995	Quảng Nam	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
2	55134110	Lê Kỳ Hiệp	11/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
3	55130625	Lê Văn Hoan	25/12/1994	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
4	55130674	Nguyễn Thế Hoi	15/08/1995	Quảng Bình	Nam	Khá	55.CDT	2013-2017
5	55132531	Lê Thành Huy	04/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
6	55133921	Nguyễn Tân Khoa	27/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
7	55130862	Phạm Thế Lâm	12/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
8	55133885	Nguyễn Thanh Luân	04/07/1994	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
9	55134159	Lê Nhựt Nam	10/09/1995	Quảng Nam	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
10	55134047	Trần Bảo Tân	18/10/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
11	55132712	Phí Công Toại	20/12/1994	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
12	55132105	Ngô Minh Trí	26/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CDT	2013-2017
13	55133835	Lê Đức Trung	30/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017
14	55132363	Nguyễn Văn Vũ	18/05/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CDT	2013-2017

Danh sách có 14 sinh viên

4. Công nghệ kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130294	Trần Minh Đại	10/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.KTCK	2013-2017
2	55130401	Nguyễn Việt Hà	25/02/1995	Quảng Bình	Nam	Trung bình	55.KTCK	2013-2017
3	55130817	Nguyễn Hoàng Kiêm	18/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.KTCK	2013-2017
4	55131603	Thiều Huy Tâm	10/08/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.KTCK	2013-2017
5	55131645	Nguyễn Văn Thanh	12/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KTCK	2013-2017

Danh sách có 05 sinh viên



5. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131720	Trần Văn Uyên	24/11/1994	Quảng Nam	Nam	Khá	54.DDT	2012-2016
2	55132179	Bùi Thanh Tú	30/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.DDT-1	2013-2017
3	55130130	Trần Minh Chiến	29/09/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.DDT-2	2013-2017
4	55131925	Trần Xuân Thực	24/07/1994	Ninh Bình	Nam	Khá	55.DDT-2	2013-2017

Danh sách có 04 sinh viên

6. Công nghệ kỹ thuật hóa học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55130030	Mai Tuấn Anh	01/09/1992	Hưng Yên	Nam	Khá	55.CNHH	2013-2017
2	55132990	Nguyễn Thị Hiền	10/02/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	55.CNHH	2013-2017
3	55133676	Nguyễn Lê Bá Quảng	08/11/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNHH	2013-2017

Danh sách có 03 sinh viên

7. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53130625	Nguyễn Thị Ngọc Hòa	07/05/1993	Khánh Hòa	Nữ	Khá	53.CNMT-2	2011-2015
2	54131188	Lê Hoàng Sương	03/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.CNMT	2012-2016
3	55130042	Nguyễn Văn Anh	23/09/1995	Quảng Trị	Nam	Trung bình	55.CNMT-1	2013-2017
4	55130419	Hà Văn Hải	27/10/1994	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	55.CNMT-1	2013-2017
5	55130509	Nguyễn Duy Hiền	22/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNMT-1	2013-2017
6	55130618	Nguyễn Nhật Hoài	12/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNMT-1	2013-2017
7	55131558	Bùi Ngọc Anh Tài	26/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNMT-2	2013-2017
8	55132228	Nguyễn Văn Tùng	24/08/1993	Nghệ An	Nam	Trung bình	55.CNMT-2	2013-2017
9	55132327	Võ Thị Bình Viên	26/09/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNMT-2	2013-2017

Danh sách có 09 sinh viên

8. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53131227	Nguyễn Hoàng Phương	15/09/1993	Gia Lai	Nam	Trung bình	53.CNNL	2011-2015
2	53131904	Trần Thanh Trung	05/07/1993	Hà Tĩnh	Nam	Khá	53.CNNL	2011-2015
3	55130161	Lê Quốc Cường	14/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNNL	2013-2017
4	55134881	Bùi Quang Hiền	08/02/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55.CNNL	2013-2017
5	55131068	Võ Sỹ Phương Nam	12/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	55.CNNL	2013-2017
6	55134967	Nguyễn Đoàn Nhi	05/09/1995	Bình Định	Nam	Khá	55.CNNL	2013-2017
7	55131793	Nguyễn Cao Thịnh	14/10/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55.CNNL	2013-2017
8	55132107	Nguyễn Minh Trí	03/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNNL	2013-2017
9	55132196	Bùi Anh Tuấn	01/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNNL	2013-2017

Danh sách có 09 sinh viên

9. Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131607	Ngô Minh Trường	20/07/1994	Quảng Nam	Nam	Trung bình	54.CNOT	2012-2016
2	55134088	Nguyễn Duy Khanh	17/04/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.CNOT	2013-2017
3	55134002	Trần Xuân Thức	19/09/1992	Ninh Bình	Nam	Khá	55.CNOT	2013-2017
4	55133958	Thái Nhân Văn	01/04/1994	Phú Yên	Nam	Khá	55.CNOT	2013-2017

Danh sách có 04 sinh viên

10. Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	52132022	Bùi Quốc Chinh	08/07/1992	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	52XD-1	2010-2014
2	52132114	Phạm Huy Linh	03/12/1992	Phú Yên	Nam	Trung bình	52XD-2	2010-2014
3	53130134	Lâm Phương Cương	15/04/1993	Quảng Ngãi	Nam	Khá	53.CNXD-1	2011-2015
4	53131349	Lê Nguyễn Nhật Quý	13/08/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53.CNXD-1	2011-2015
5	53131927	Lê Nguyễn Anh Tuấn	03/12/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53.CNXD-2	2011-2015
6	54130154	Huỳnh Tấn Huy Cường	12/01/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNXD-1	2012-2016
7	54130985	Trần Văn Nha	20/08/1993	Quảng Trị	Nam	Trung bình	54.CNXD-2	2012-2016
8	55130224	Lê Dũng	02/08/1994	Quảng Trị	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
9	55133628	Huỳnh Văn Đạt	20/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
10	55130743	Nguyễn Thiện Hưng	04/10/1995	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
11	55135013	Đinh Văn Khoa	12/08/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
12	55133279	Trần Nguyễn Hoàng Nam	10/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
13	55134176	Nguyễn Hữu Nghĩa	10/01/1994	Quảng Nam	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
14	55134848	Nguyễn Ngọc Phú	19/03/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
15	55131356	Võ Hoàn Phúc	01/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNXD	2013-2017
16	55131427	Nguyễn Hồng Quân	22/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNXD	2013-2017
17	55131416	Hồ Xuân Quang	18/02/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
18	55134050	Nguyễn Lâm Quý	07/01/1994	Quảng Nam	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017
19	55132145	Trịnh Trương Trọng	19/04/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNXD	2013-2017

Danh sách có 19 sinh viên

11. Công nghệ sau thu hoạch

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55134581	Lê Phương Nguyên	13/09/1995	Quảng Trị	Nam	Trung bình	55.STH	2013-2017

Danh sách có 01 sinh viên

12. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	52130434	Trần Hải Phong	28/10/1991	Thái Bình	Nam	Trung bình	52CNSH	2010-2014
2	55130839	Lê Thị Phương Lam	19/02/1995	Quảng Nam	Nữ	Khá	55.CNSH-1	2013-2017
3	55130974	Hồ Thị Kim Lúc	24/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1	2013-2017
4	55131599	Phạm Văn Tâm	20/09/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNSH-1	2013-2017
5	55130453	Nguyễn Thị Mỹ Hào	05/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNSH-2	2013-2017
6	55130536	Phạm Bá Huy Hiệp	28/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNSH-2	2013-2017
7	55132674	Đặng Hữu Thành	15/12/1995	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	55.CNSH-2	2013-2017
8	55132119	Lê Thị Phương Trinh	15/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-2	2013-2017
9	55132168	Trần Quốc Trung	04/03/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-2	2013-2017

Danh sách có 09 sinh viên



13. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131101	Lê Thiên Phú	06/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNTT	2012-2016
2	54131175	Lê Văn Quyên	05/06/1994	Phú Yên	Nam	Khá	54.CNTT	2012-2016
3	55130153	Lê Huy Cung	01/01/1995	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	55.CNTT-1	2013-2017
4	55130223	Lại Việt Dũng	16/07/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNTT-1	2013-2017
5	55132485	Nguyễn Đức Dũng	01/06/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNTT-1	2013-2017
6	55130544	Hồ Minh Hiếu	23/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNTT-1	2013-2017
7	55130605	Nguyễn Xuân Hòa	27/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNTT-1	2013-2017
8	55130717	Phạm Văn Huy	04/02/1994	Nghệ An	Nam	Trung bình	55.CNTT-1	2013-2017
9	55130926	Trương Hoài Linh	29/08/1995	Quảng Ngãi	Nam	Khá	55.CNTT-1	2013-2017
10	55130961	Trần Văn Lợi	15/10/1992	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNTT-1	2013-2017
11	55131131	Trần Nho Trọng	31/10/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.CNTT-2	2013-2017
12	55131431	Nguyễn Thu Quân	09/06/1995	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	55.CNTT-2	2013-2017
13	55131437	Lê Trung Quốc	10/11/1995	Quảng Ngãi	Nam	Khá	55.CNTT-2	2013-2017
14	55132230	Trịnh Văn Tùng	01/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNTT-2	2013-2017

Danh sách có 14 sinh viên

14. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131700	Cao Thị Tuyết	26/03/1993	Nghệ An	Nữ	Khá	54.CNTP-1	2012-2016
2	55133922	Huỳnh Văn Chiêu	13/11/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNTP-1	2013-2017
3	55130208	Nguyễn Thị Dung	17/08/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.CNTP-1	2013-2017
4	55130461	Kiều Mai Thanh Hằng	15/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNTP-1	2013-2017
5	55135020	Nguyễn Thị Hoàng	20/10/1994	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNTP-1	2013-2017
6	55130679	Nguyễn Minh Huân	06/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNTP-1	2013-2017
7	55131093	Trương Thị Nga	25/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNTP-2	2013-2017
8	55131200	Nguyễn Thái Nhân	12/05/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNTP-2	2013-2017
9	55131923	Võ Quang Thức	03/02/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CNTP-2	2013-2017
10	55131498	Trần Thanh Như Quỳnh	05/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNTP-3	2013-2017
11	55133634	Đỗ Phương Thảo	19/05/1995	Thanh Hoá	Nữ	Khá	55.CNTP-3	2013-2017
12	55134939	Trần Nguyễn Phương Thảo	15/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-3	2013-2017
13	55131805	Lê Thị Kim Thoa	30/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-3	2013-2017
14	55132089	Huỳnh Thị Mỹ Trân	22/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNTP-3	2013-2017
15	55132252	Dương Lâm Cát Tường	16/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-3	2013-2017
16	55132333	Lê Hữu Quốc Việt	20/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNTP-3	2013-2017

Danh sách có 16 sinh viên

15. Hệ thống thông tin quản lý

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55132473	Nguyễn Thị Kim Chi	28/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.TTQL	2013-2017
2	55130308	Nguyễn Xuân Đạt	15/09/1995	Nghệ An	Nam	Trung bình	55.TTQL	2013-2017
3	55133375	Võ Thị Kim Thoa	12/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.TTQL	2013-2017
4	55132702	Phạm Thị Thủy	21/02/1994	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55.TTQL	2013-2017

Danh sách có 04 sinh viên

16. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131808	Trần Kỳ Vỹ	26/02/1992	Quảng Ngãi	Nam	Khá	54.KT-3	2012-2016
2	55131638	Nguyễn Đan Thanh	15/04/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-2	2013-2017
3	55131875	Lê Thị Bích Thủy	12/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-2	2013-2017
4	55133701	Ngô Lê Minh Hiếu	09/06/1995	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	55.KT-3	2013-2017
5	55131273	Nguyễn Thị Quỳnh Như	25/01/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.KT-3	2013-2017
6	55133554	Nguyễn Phương Thảo	27/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56.KT-1	2014-2018

Danh sách có 06 sinh viên

17. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131303	Đinh Tiến Thành	06/11/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.KDTM2	2012-2016
2	55130275	Trần Ngọc Dự	01/01/1989	Ninh Bình	Nam	Trung bình	55.KDTM	2013-2017
3	55130750	Đào Thị Diệu Hương	27/12/1995	Hà nội (Hà tây cũ)	Nữ	Khá	55.KDTM	2013-2017
4	55135070	Đặng Quỳnh Hương	22/11/1995	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	55.KDTM	2013-2017
5	55133507	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/03/1995	Hải Dương	Nữ	Trung bình	55.KDTM	2013-2017
6	55131878	Lê Thị Thu Thủy	30/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KDTM	2013-2017

Danh sách có 06 sinh viên

18. Kinh tế nông nghiệp

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55133440	Nguyễn Thị Minh Tuyền	17/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KTNN	2013-2017
2	55132931	Trần Nguyễn Tú Uyên	28/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KTNN	2013-2017
3	55133457	Lại Hợp Vũ	26/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KTNN	2013-2017

Danh sách có 03 sinh viên

19. Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131475	Phạm Duy Tiên	28/06/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.KTTT	2012-2016
2	54131484	Trần Thanh Tùng	24/08/1993	Đắk Lắk	Nam	Khá	54.KTTT	2012-2016
3	55131857	Nguyễn Trọng Thuật	20/01/1995	Quảng Ngãi	Nam	Khá	55.KTTT	2013-2017
4	55134021	Phạm Duy Thanh	27/01/1995	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	55.KTTT	2013-2017

Danh sách có 04 sinh viên

20. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54130469	Lê Thị Thúy Hiền	06/04/1994	Phú Yên	Nữ	Trung bình	54.NNA-4	2012-2016
2	55130023	Hoàng Ngọc Anh	06/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.NNA-1	2012-2016

Danh sách có 02 sinh viên

21. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53131375	Nguyễn Thành Rin	15/10/1993	Đồng Tháp	Nam	Khá	53.NTTS	2011-2015
2	55130022	Hoàng Ngọc Anh	28/03/1995	Quảng Bình	Nam	Trung bình	55.NTTS-1	2013-2017
3	55132948	Đặng Duy Bảo	10/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.NTTS-1	2013-2017
4	55130531	Hồ Hoàng Hiệp	13/01/1995	Nghệ An	Nam	Khá	55.NTTS-1	2013-2017
5	55131179	Thập Thị Nguyên	12/06/1994	Ninh Thuận	Nữ	Khá	55.NTTS-1	2013-2017
6	55133059	Hồ Quang Nhật	10/03/1994	Quảng Trị	Nam	Khá	55.NTTS-1	2013-2017
7	55131987	Nguyễn Hữu Toàn	26/07/1995	Nghệ An	Nam	Khá	55.NTTS-1	2013-2017
8	55131791	Ngô Đức Thịnh	06/03/1995	Hà Tĩnh	Nam	Khá	55.NTTS-2	2013-2017

Danh sách có 08 sinh viên

22. Quản lý nguồn lợi thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55132488	Bùi Văn Dương	20/03/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.QLNL	2013-2017
2	55130505	Hồ Thị Thu Hiền	10/09/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.QLNL	2013-2017
3	55135023	Hoàng Tuấn Lực	27/03/1995	Quảng Trị	Nam	Khá	55.QLNL	2013-2017
4	55132683	Phạm Thị Ngọc Thắm	19/12/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.QLNL	2013-2017

Danh sách có 04 sinh viên

23. Quản lý thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55132489	Trương Huệ Đào	12/03/1995	Gia Lai	Nữ	Trung bình	55.QLTS	2013-2017
2	55132967	Lê Thị Ánh Đô	16/04/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.QLTS	2013-2017
3	55133610	Trương Thị Tuyết Mai	03/09/1995	Thanh Hóa	Nữ	Khá	55.QLTS	2013-2017
4	55132608	Nguyễn Ngọc Tường Nhi	14/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS	2013-2017
5	55132895	Lê Thị Mỹ Thùy	07/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.QLTS	2013-2017
6	55133118	Trần Thị Mỹ Tiên	03/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS	2013-2017

Danh sách có 06 sinh viên

24. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131066	Lê Phạm Như Phương	20/05/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.QTDLP	2012-2016
2	55130071	Võ Chí Bảo	23/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-1	2013-2017
3	55130480	Phan Thanh Hân	22/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-1	2013-2017
4	55131022	Nguyễn Hoàng Minh	25/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.QTDL-1	2013-2017
5	55131259	Ngô Thị Phương Nhung	24/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-1	2013-2017
6	55131647	Trần Thị Đàng Thanh	27/07/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.QTDL-2	2013-2017
7	55132081	Mai Thị Sơn Trâm	04/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-2	2013-2017
8	55132007	Bùi Thị Ngọc Trang	01/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-2	2013-2017
9	55132264	Hoàng Thị Tổ Uyên	05/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-2	2013-2017
10	55132274	Phạm Thị Lâm Uyên	22/02/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-2	2013-2017
11	55132288	Đặng Thị Cẩm Vân	30/05/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.QTDL-2	2013-2017
12	55132422	Phan Như Ý	18/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-2	2013-2017

Danh sách có 12 sinh viên

25. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	52130919	Phạm Thị Hà	14/01/1992	Gia Lai	Nữ	Khá	52.KTKD1	2010-2014
2	54131788	Nguyễn Quốc Việt	08/12/1993	Gia Lai	Nam	Khá	54.QTKD-1	2012-2016
3	54130104	Nguyễn Hồng Anh	14/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Khá	54.QTKD-2	2012-2016
4	54130574	Nguyễn Đức Huy	03/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.QTKD-2	2012-2016
5	55132784	Phan Thanh Hà	15/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.QTKD-1	2013-2017
6	55130515	Nguyễn Thị Nhật Hiền	15/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTKD-1	2013-2017
7	55131320	Nguyễn Thị Ngọc Phần	24/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTKD-1	2013-2017
8	55131456	Hà Tú Quyên	17/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.QTKD-1	2013-2017
9	55131841	Trình Thị Thơm	02/02/1994	Phú Yên	Nữ	Khá	55.QTKD-2	2013-2017
10	55132008	Chu Thị Quỳnh Trang	18/08/1995	Nghệ An	Nữ	Khá	55.QTKD-2	2013-2017
11	55132924	Nguyễn Mạnh Tuấn	26/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.QTKD-2	2013-2017

Danh sách có 11 sinh viên

26. Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54131943	Phạm Thị Phương Duyên	25/06/1994	Khánh Hòa	Nữ	Khá	54.TCNH-2	2012-2016
2	54130090	Lương Phạm Hoàng Anh	16/08/1993	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54.TCNH-3	2012-2016
3	55130732	Nguyễn Diệu Huyền	14/09/1995	Hà Nam	Nữ	Trung bình	55.TCNH	2013-2017
4	55133748	Lê Huy Phước	10/04/1994	Thanh Hóa	Nam	Trung bình	55.TCNH	2013-2017
5	55131665	Nguyễn Trọng Thành	13/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH	2013-2017
6	55131766	Trương Đức Thi	10/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH	2013-2017
7	55133603	Lữ Gia Thọ	03/05/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.TCNH	2013-2017
8	54131597	Nguyễn Thị Hà Trang	25/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.TCNH	2013-2017
9	55132182	Ngô Phạm Diễm Tú	10/09/1995	Long An	Nữ	Khá	55.TCNH	2013-2017
10	55132374	Trương Minh Vương	01/06/1995	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	55.TCNH	2013-2017

Danh sách có 10 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ II NĂM 2018

Theo Quyết định số 437/QĐ-ĐHNT ngày 24/4/2018

Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54160797	Đặng Ngọc Tú	24/04/1994	Bình Định	Nam	Trung bình	54C.CBTS	2012-2015
2	55161920	Võ Thị Hưng Lợi	20/11/1995	Bình Định	Nữ	Trung bình	55C.CBTS	2013-2016
3	55163308	Trần Thị Như Quỳnh	08/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CBTS	2013-2016
4	56163566	Nguyễn Văn Đồng	28/04/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56C.CBTS	2014-2017
5	56160218	Lê Minh Hoàng	07/12/1996	Quảng Ngãi	Nam	Khá	56C.CBTS	2014-2017
6	56162650	Nguyễn Thị Bích Huyền	20/12/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CBTS	2014-2017
7	56160442	Đặng Thanh Liêm	10/07/1996	Bình Định	Nam	Trung bình	56C.CBTS	2014-2017
8	56162819	Phan Thị Bích Phượng	20/12/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CBTS	2014-2017
9	56162642	Nguyễn Anh Tuấn	13/05/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CBTS	2014-2017
10	56163196	Châu Minh Tuấn	29/06/1996	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	56C.CBTS	2014-2017
11	56162821	Lê Thị Thanh Vy	18/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CBTS	2014-2017

Danh sách có 11 sinh viên

2. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54161050	Nguyễn Xuân Tùng	01/01/1994	Đắk Lắk	Nam	Khá	54C.CDT	2012-2015
2	56161777	Nguyễn Đơn Dương	19/03/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CDT	2014-2017
3	56161881	Mai Hữu Đạt	28/08/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CDT	2014-2017
4	56161768	Võ Ngọc Hiệp	11/01/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CDT	2014-2017
5	56161182	Nguyễn Cao Nguyên	03/04/1994	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	56C.CDT	2014-2017
6	56161884	Nguyễn Thái Sơn	29/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CDT	2014-2017
7	56162751	Nguyễn Thế Tâm	08/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CDT	2014-2017
8	56161059	Nguyễn Hữu Tinh	20/12/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56C.CDT	2014-2017
9	56163047	Ngô Văn Tú	27/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CDT	2014-2017
10	56161253	Đỗ Duy Tuấn	01/02/1996	Đắk Lắk	Nam	Khá	56C.CDT	2014-2017

Danh sách có 10 sinh viên

3. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	53160130	Nguyễn Phú Cường	29/11/1992	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53C.DDT	2011-2014
2	55160098	Y Klep Bkrông	06/05/1994	Đắk Nông	Nam	Trung bình	55C.DDT	2013-2016
3	55160225	Lê Minh Hậu	26/07/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.DDT	2013-2016
4	55160356	Võ Đình Khoa	24/07/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.DDT	2013-2016
5	55160816	Phạm Công Thức	20/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.DDT	2013-2016
6	56161719	Võ Thế Cường	14/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.DDT	2014-2017
7	56162518	Lê Nguyên Công Đức	03/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.DDT	2014-2017
8	56161231	Hoàng Văn Huân	01/03/1996	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	56C.DDT	2014-2017
9	56161368	Lưu Thiện Tâm	01/02/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.DDT	2014-2017
10	56163042	Nguyễn Ngọc Tân	25/11/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.DDT	2014-2017
11	56161720	Phan Thanh Thiện	15/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.DDT	2014-2017
12	56160909	Nguyễn Ngọc Truyền	10/02/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56C.DDT	2014-2017

Danh sách có 12 sinh viên

4. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55162002	Phùng Thị Thu Ngọc	20/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNMT	2013-2016
2	55162092	Trịnh Thanh Phú	08/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNMT	2013-2016
3	56163351	Phạm Huy Dũ	06/09/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNMT	2014-2017
4	56160124	Bùi Thị Mỹ Duyên	02/08/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Trung bình	56C.CNMT	2014-2017
5	56161312	Lưu Thị Hoài	10/10/1996	Nghệ An	Nữ	Trung bình	56C.CNMT	2014-2017
6	56162828	Võ Hữu Hưng	09/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNMT	2014-2017
7	56161624	Lý Thị Kim Loan	05/05/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNMT	2014-2017
8	56162860	Trần Quốc Thắng	20/03/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNMT	2014-2017
9	56162253	Trần Văn Thiện	25/02/1996	Đà Nẵng	Nam	Khá	56C.CNMT	2014-2017

Danh sách có 09 sinh viên

5. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54160575	Diệp Bảo Phong	18/11/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.CNNL	2012-2016
2	54160890	Lê Hồng Tuấn	21/02/1994	Nghệ An	Nam	Trung bình	54C.CNNL	2012-2016
3	55160716	Nguyễn Nhật Thanh	10/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNNL	2013-2016
4	56160899	Lê Hữu Phước	13/10/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56C.CNNL	2014-2017
5	56165028	Lê Thanh Tuấn	10/08/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNNL	2014-2017

Danh sách có 05 sinh viên

6. Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55160094	Võ Văn Bình	06/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNXD	2013-2016
2	55160135	Huỳnh Quốc Cường	21/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNXD	2013-2016
3	55160729	Trần Thị Thu Thảo	04/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNXD	2013-2016
4	55160761	Huỳnh Tấn Thịnh	05/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNXD	2013-2016
5	56162982	Nguyễn Tiến Dũng	02/05/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNXD	2014-2017
6	56162040	Nguyễn Vũ Hải Dương	20/03/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNXD	2014-2017
7	56161656	Lê Công Minh	18/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNXD	2014-2017
8	56163041	Lê Ngọc Ngân	11/05/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNXD	2014-2017
9	56161715	Trần Ngọc Thạch	06/08/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNXD	2014-2017

Danh sách có 09 sinh viên

7. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55160346	Hoàng Thanh* Kha	05/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55C.CNSH	2013-2016
2	56160790	Châu Thị Duyên	10/06/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.CNSH	2014-2017
3	56160863	Võ Đại Thành	29/07/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56C.CNSH	2014-2017

Danh sách có 03 sinh viên

8. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54160079	Trương Quốc Hùng Cường	28/12/1994	Quảng Trị	Nam	Khá	54C.CNTT	2012-2015
2	54160328	Nguyễn Ngọc Quốc Khánh	03/09/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CNTT	2012-2015
3	55160235	Phan Trọng Hiếu	20/08/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTT	2013-2016
4	56161569	Nguyễn Quát Bảo	12/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTT	2014-2017
5	56161273	Nguyễn Bá Bình	10/10/1996	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	56C.CNTT	2014-2017
6	56162381	Đặng Trần Minh Huy	16/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTT	2014-2017
7	56161874	Phan Minh Quân	13/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTT	2014-2017

Danh sách có 07 sinh viên

9. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54160665	Huỳnh Văn Tường	20/12/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CNTP-1	2012-2015
2	54160576	Hoa Quốc Phong	29/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CNTP-2	2012-2015
3	55161704	Lê Văn Hiếu	17/04/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.CNTP-1	2013-2016
4	55161927	Huỳnh Trung Lượm	10/06/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTP-2	2013-2016
5	55160462	Thái Thị Hùng Mỹ	30/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2	2013-2016
6	55163296	Trần Hạnh Nguyên	25/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2	2013-2016
7	55160595	Nguyễn Lê Anh Phú	20/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTP-2	2013-2016
8	55162570	Ngô Thị Ái Xuân	15/08/1995	Long An	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-3	2013-2016
9	56162278	Ngô Phạm Lan Anh	02/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-1	2014-2017
10	56162073	Mai Việt Cường	23/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-1	2014-2017
11	56160933	Nguyễn Thái Hào	02/01/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56C.CNTP-1	2014-2017
12	56161456	Nguyễn Ngọc Hậu	24/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNTP-1	2014-2017
13	56161779	Nguyễn Thị Kim Oanh	01/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-2	2014-2017
14	56163537	Trần Lê Hồng Phúc	11/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-2	2014-2017
15	56163072	Nguyễn Văn Phương	09/02/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-2	2014-2017
16	56163044	Nguyễn Trọng Quốc	10/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-2	2014-2017
17	56161586	Đào Thị Ngọc Thêm	20/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-3	2014-2017
18	56163563	Nguyễn Thị Kim Thùy	19/04/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56C.CNTP-3	2014-2017
19	56162255	Nguyễn Trần Ngọc Trâm	24/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-3	2014-2017
20	56162892	Nguyễn Phan Hoàng Việt	06/01/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-3	2014-2017
21	56161735	Nguyễn Văn Vương	14/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTP-3	2014-2017
22	56161889	Vũ Phan Hoàng Yến	02/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNTP-3	2014-2017

Danh sách có 22 sinh viên

**10. Kế toán**

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học	
1	54161000	Văn Thị Khánh	Linh	24/03/1994	Phú Yên	Nữ	Trung bình	54C.KT-1	2012-2015
2	54160864	Hoàng Lâm Thủy	Trúc	07/12/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.KT-2	2012-2015
3	55162717	Phạm Thị Bích	Hằng	25/06/1995	Lâm Đồng	Nữ	Trung bình	55C.KT-1	2013-2016
4	55160333	Ninh Thị Thu	Hương	08/05/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-1	2013-2016
5	55160420	Nguyễn Thị Mỹ	Lợi	02/01/1994	Bình Phước	Nữ	Trung bình	55C.KT-1	2013-2016
6	55162889	Mai Thị Ngọc	Nhàn	24/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-1	2013-2016
7	55160544	Nguyễn Thị Hạnh	Nhi	03/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-1	2013-2016
8	55162958	Nguyễn Lê Lệ	Quyên	01/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-1	2013-2016
9	55163237	Nguyễn Hùng	Son	02/02/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.KT-2	2013-2016
10	55160781	Phạm Thị Kim	Thu	02/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-2	2013-2016
11	55163065	Phạm Thị Hồng	Tiên	11/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-2	2013-2016
12	55161455	Nguyễn Lê Kim	Tuyền	22/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.KT-2	2013-2016
13	56162514	Nguyễn Thành Tổ	Diệp	20/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-1	2014-2017
14	56162530	Võ Thanh	Kiều	01/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-1	2014-2017
15	56161382	Phạm Quốc	Nhật	30/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.KT-1	2014-2017
16	56162012	Tôn Nữ Kim	Oanh	21/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-1	2014-2017
17	56162741	Nguyễn Nhật	Phương	09/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.KT-2	2014-2017

Danh sách có 17 sinh viên

11. Kinh doanh thương mại

1.1. Hình ảnh trường nội									
TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	56160329	Nguyễn Thị	Liệu	30/10/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56C.KDTM	2014-2017
2	56162371	Đặng Thị Ngọc	Linh	22/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KDTM	2014-2017
Danh sách có 02 sinh viên									

12. Nuôi trồng thủy sản

L2: Quê hương thủy sản									
TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55161825	Cao Anh	Kha	25/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.NTTS	2013-2016
2	55162385	Nguyễn Văn	Tí	05/08/1994	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.NTTS	2013-2016
3	56160220	Nguyễn Phước	Định	01/09/1996	Quảng Ngãi	Nam	Khá	56C.NTTS	2014-2017
4	56163181	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/08/1996	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	56C.NTTS	2014-2017
5	56163568	Trần Vũ	Hào	26/03/1995	Cà Mau	Nam	Trung bình	56C.NTTS	2014-2017
6	56163182	Nguyễn Thị	Sang	10/02/1995	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56C.NTTS	2014-2017
7	56163186	Nguyễn Thanh	Thịnh	24/12/1996	Ninh Thuận	Nam	Khá	56C.NTTS	2014-2017
Danh sách có 07 sinh viên									

13. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	55161038	Tôn Nữ Bảo	Châu	13/08/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55C.QTDL	2013-2016
2	55160688	Trần Trọng	Tài	20/10/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.QTDL	2013-2016
3	56161899	Nguyễn Kiều	Anh	24/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-1	2014-2017
4	56163405	Trần Thị	Hồng	29/10/1993	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	56C.QTDL-1	2014-2017
5	56165029	Đỗ Ngô Khánh	Linh	23/04/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-1	2014-2017
6	56163323	Hà Kiều	Oanh	04/04/1996	Đắk Nông	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-1	2014-2017
7	56162257	Nguyễn Đức Minh	Tiến	28/05/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.QTDL-2	2014-2017
8	56162726	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	20/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-2	2014-2017
9	56161615	Lê Thị Ngọc	Trong	25/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-2	2014-2017
10	56162205	Trần Vũ Thục	Uyên	01/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-2	2014-2017
Danh sách có 10 sinh viên									

14. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp	Khóa học
1	54160190	Thái Thị Mỹ	01/07/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-1	2012-2015
2	54160203	Nguyễn Thành	14/07/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.QTKD-1	2012-2015
3	54160628	Phạm Thị Hồng	19/02/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-2	2012-2015
4	55163356	Tôn Nữ Bảo	30/10/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTKD-2	2013-2016
5	56161754	Trịnh Vũ	29/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.QTKD-1	2014-2017
6	56161844	Võ Thị Ngọc	17/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTKD-1	2014-2017
7	56162210	Lê Thị Thanh	29/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-1	2014-2017
8	56161441	Trương Châu Khả	26/02/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTKD-1	2014-2017
9	56160073	Nguyễn Thị	24/01/1996	Quảng Nam	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-2	2014-2017
10	56162997	Lê Thị	27/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-2	2014-2017
11	56161854	Võ Huy	26/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.QTKD-2	2014-2017
12	56165002	Nguyễn Thị Ngọc	11/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-2	2014-2017
13	56162226	Đào Thanh	20/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-2	2014-2017
Danh sách có 13 sinh viên								